

Xác định các yếu tố quan trọng quyết định chất lượng hồ sơ dự thầu

Crucial factors influencing quality of tender documents

> **NGUYỄN HOÀI NGHĨA¹, PHẠM THANH TÙNG^{1,2}, PHẠM VĂN BẢO¹**

¹Khoa Kỹ thuật và Quản lý xây dựng, Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM.

²Corresponding author.

TÓM TẮT

Tuy giữ vai trò quan trọng trong việc đánh giá khả năng cạnh tranh trong đấu thầu, việc đảm bảo chất lượng của hồ sơ dự thầu vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề có thể ảnh hưởng đến quyền quyết định của chủ đầu tư cho việc doanh nghiệp xây dựng có trúng thầu hay không. Nghiên cứu hướng đến việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ dự thầu trong môi trường xây dựng tại TP.HCM. Nghiên cứu được tiến hành với các đối tượng đến từ các đơn vị chủ đầu tư, tư vấn quản lý dự án, tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công của các loại hình dự án khác nhau. Dữ liệu thu về 175 bảng khảo sát hợp lệ và tiến hành xếp hạng các nhân tố theo chỉ số mức độ quan trọng (RII). Kết quả cho thấy bốn nhân tố có vai trò quyết định đến chất lượng của hồ sơ dự thầu bao gồm: 1) Năng lực tài chính của nhà thầu, 2) Nguồn vốn thực hiện gói thầu, 3) Phương pháp lập hồ sơ dự thầu, 4) Phương thức lựa chọn nhà thầu, Quy mô gói thầu và Uy tín của nhà thầu. Kết quả nghiên cứu mang tính tham khảo giúp các đơn vị tham gia đấu thầu các dự án xây dựng có góc nhìn tổng quát về các yếu tố gây ảnh hưởng đến chất lượng của công tác tổ chức lập hồ sơ dự thầu tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Hồ sơ dự thầu; chất lượng; yếu tố ảnh hưởng; ngành Xây dựng; chỉ số quan trọng tương đối (RII)

ABSTRACT

In spite of playing an important role in assessing the competitiveness in the tendering process, the quality assurance of the bids still remains many issues that can affect the investor's right to decide whether the construction enterprise will win the bid or not. The study aimed to determine the factors affecting the quality of bids in the construction environment in Ho Chi Minh City. The research was conducted based on the point of views of investors, project management consultants, design consultants and contractors who had experiences in different types of projects. Data were collected from 175 valid surveys and the factors were ranked based on Relative Importance Index (RII) method. The analysis confirms four crucial factors have an impact on the quality of tender documents, including: 1) Financial capacity of the contractor, 2) Source of capital to implement the bidding package, 3) Method of preparing tender documents, 4) Contractor selection method, Bid package size and Contractor's reputation. The results generally provide the participants bidding for construction projects with knowledge of the factors influencing the quality of bidding documents in Vietnamese construction projects.

Key words: Tender documents; quality; influential factors; construction industry; relative importance index (RII)

GIỚI THIỆU

Tại Việt Nam, công nghiệp xây dựng luôn được xếp vào nhóm ngành sản xuất vật chất lớn nhất, đóng góp đáng kể lợi nhuận cho nền kinh tế. Tính đến thời điểm hiện tại, ngành Xây dựng vẫn đang thể hiện rõ vai trò đặc biệt quan trọng của mình thông qua việc thực hiện không ngừng các dự án, hạ tầng cơ sở cần thiết cho các đơn vị, tổ chức và toàn xã hội. Chỉ khi kỹ thuật xây dựng phát triển thì các lĩnh vực khác trong nền kinh tế mới có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển theo. Do đó, ngành công nghiệp xây dựng còn được xem là một công cụ điều chỉnh của nền kinh tế.

Sự cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường đã tác động mạnh mẽ vào tất cả mọi lĩnh vực và các hoạt động xây dựng cũng không nằm ngoài quy luật đó. Tính cạnh tranh được thể hiện dưới nhiều hình thức nhưng có thể thấy rõ nhất là qua công tác đấu thầu.

Thông qua đấu thầu mà các chủ đầu tư có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ xây dựng. Về phía các đơn vị xây dựng thì họ nhận được các công trình để từ đó duy trì và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Với đặc thù của ngành là quá trình mua bán thông qua thương lượng đấu thầu xảy ra trước khi bắt đầu giai đoạn thi công và xây dựng công trình. Vì vậy, việc chiến thắng trong các cuộc đấu thầu là vấn đề mang tính sống còn đối với hầu hết các doanh nghiệp xây dựng.

Để thắng thầu thì doanh nghiệp phải thể hiện tối đa năng lực của mình bằng nhiều cách khác nhau nhưng phổ biến và hiệu quả nhất đó chính là qua hồ sơ dự thầu. Lập hồ sơ dự thầu là một công việc hết sức phức tạp và yêu cầu thực hiện trong một thời gian hạn chế. Chất lượng hồ sơ đóng vai trò không nhỏ trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh trong đấu thầu cũng như là một trong những

tiêu chí cơ bản quyết định cho việc doanh nghiệp có trúng thầu hay không. Nhận thức rõ về vấn đề này, việc xác định và xếp hạng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ dự thầu trong xây dựng là rất cần thiết và mang ý nghĩa thực tiễn đối với tất cả các doanh nghiệp xây dựng trong việc đảm bảo, nâng cao chất lượng và tính thuyết phục của hồ sơ dự thầu.

I. TỔNG QUAN

Về lý thuyết, hồ sơ dự thầu được hiểu là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Các bước làm hồ sơ dự thầu bao gồm: đọc kỹ hồ sơ mời thầu và bản vẽ kỹ thuật thi công; thực hiện đầy đủ các biểu mẫu theo yêu cầu hồ sơ dự thầu; trình bày hồ sơ dự thầu; đánh giá và xếp hạng hồ sơ dự thầu. Liên quan đến các văn bản quy định của Nhà nước Việt Nam về chất lượng hồ sơ dự thầu, chính phủ cũng đã ban hành nghị định số: 63/2014/NĐ-CP về chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu [1]. Một số điều khoản trong chất lượng hồ sơ dự thầu được ban hành trong nghị định trên phải kể đến như: Lập hồ sơ mời thầu (điều 12); Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu (điều 15); Làm rõ hồ sơ dự thầu (điều 16); Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (điều 17); Đánh giá hồ sơ dự thầu (điều 18); Nguyên tắc đánh giá, làm rõ hồ sơ dự thầu, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (điều 37).

Một số công trình nghiên cứu đã được tiến hành trên một số quốc gia liên quan đến tiến trình đấu thầu cũng như lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng phù hợp. Nghiên cứu của Holt và cộng sự (1994) đề xuất một mô hình quyết định đa tiêu chí dựa trên ba khái niệm chính: chi phí, thời gian và chất lượng nhằm lựa chọn nhà thầu xây dựng trong khu vực công của Thổ Nhĩ Kỳ [2]. Yan (2011) đã đưa ra phương pháp đánh giá gói thầu dự án xây dựng dựa trên mô hình quan hệ xám [3]. Mô hình bổ sung về mặt lý thuyết và kinh nghiệm cho các hoạt động định lượng khoa học, do đó được ứng dụng phổ biến trong các dự án xây dựng. Nghiên cứu đã cho thấy những người được mời thầu đều cung cấp thông tin với các chỉ số theo yêu cầu khá là đầy đủ, một số gói thầu có thể được sắp xếp dễ dàng theo ưu điểm và nhược điểm của chúng. Bên cạnh đó, Zahaf và Gargoun (2014) đã có bài nghiên cứu đề cập đến việc các doanh nghiệp liên doanh ERP (lập kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp) về quy mô hoạt động của hệ thống thông tin quy trình đấu thầu đô thị hóa [4]. Kết quả nghiên cứu này nhằm tạo điều kiện giao tiếp giữa các nhân viên đấu thầu, thống nhất các chiến lược kinh doanh trên nền tảng quy trình đấu thầu chung, đồng thời giảm khoảng cách giữa cơ sở hạ tầng kinh doanh và kỹ thuật trong quá trình khai thác. Về việc tạo giá thầu nhiều giai đoạn kết hợp với việc xem xét thời gian giao hàng, bài phân tích của Mamaghani và cộng sự (2019) đã lựa chọn trường hợp nghiên cứu là việc tạo giá thầu của một hãng vận tải trong vận chuyển được thực hiện thông qua đấu giá kết hợp bằng phương pháp thuật toán tìm kiếm TABU cải tiến (ITS) [5]. Thuật toán này được đánh giá trong trường hợp có từ 20 đến 100 yêu cầu. Các kết quả tính toán cho thấy rằng thuật toán được đề xuất vượt trội hơn đáng kể so với CPLEX: thời gian tính toán ngắn hơn nhiều, xác định thời gian sớm nhất và mới nhất để phục vụ yêu cầu, giảm thiểu thời gian giao hàng. Ngoài ra, nghiên cứu của Zekri và cộng sự (2019) đã chỉ ra đặc điểm kỹ thuật của kho dữ liệu cho việc ra quyết định của Hệ thống thông tin quy trình đấu thầu (BPIS) [6]. Hệ thống này hỗ trợ quá trình kinh doanh nên được thực hiện nhiều hơn bằng cách đảm bảo mức độ linh hoạt và khả năng tương tác cao hơn giữa các thiết bị. Trong bài báo này, các tác giả tập trung vào việc ra quyết định kích thước của BPIS và đề xuất một phương pháp hoạt động để biểu diễn sơ đồ kho dữ liệu dựa trên một bản thể luận nắm bắt các kiến thức đấu thầu đa chiều.

Các vấn đề liên quan đến hồ sơ dự thầu trong xây dựng cũng được thể hiện ở một số nghiên cứu trong nước. Nghiên cứu của Phạm (2010) đã nêu lên một số vấn đề về tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong xây dựng do thực tiễn công tác quản lý đấu thầu còn một số hạn chế, bất cập trong đánh giá hồ sơ dự thầu, đặc biệt là đối với việc đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng [7]. Theo đó, hoạt động đấu thầu sẽ giúp cho chủ đầu tư lựa chọn được nhà thầu đáp ứng tốt nhất những yêu cầu của mình, nhờ đó họ có được những công trình có chất lượng cao, giá cả hợp lý; tuy nhiên, để lựa chọn được nhà thầu tốt nhất là công việc không đơn giản. Một phân tích trong dự án đầu tư của ban quản lý dự án công trình xây dựng thành phố Sóc Trăng về giải pháp hoàn thiện công tác quản lý đấu thầu đã được thực hiện bởi Trần (2013) [8]. Bằng việc vận dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử cùng một số phương pháp khác như: phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp; kết quả nghiên cứu cho thấy rằng hồ sơ dự thầu đáp ứng các yêu cầu của chủ đầu tư về mặt kỹ thuật, trình độ thi công, tiến độ và giá cả; sử dụng có hiệu quả vốn xây dựng; kích thích khả năng cạnh tranh giữa các nhà thầu. Một nghiên cứu khác đến từ Trương và cộng sự (2017) đã thực hiện việc đánh giá sơ bộ và xếp hạng năng lực của nhà thầu xây dựng dựa trên phương pháp phân tích thứ bậc [9]. Đánh giá hồ sơ dự thầu là quá trình ra quyết định theo đa tiêu chí, gồm tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, năng lực và kinh nghiệm, kỹ thuật và giá; trong đó, sự đánh giá định lượng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm sẽ giúp bên chấm thầu sơ bộ xếp hạng các nhà thầu. Áp dụng cụ thể cho gói thầu xây lắp văn phòng làm việc Công ty Xăng dầu Khu vực V, kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) là một công cụ tiềm năng hỗ trợ chủ đầu tư đưa ra các quyết định theo đa tiêu chí. Ngoài ra, Trương (2018) có bài nghiên cứu về việc quản lý công tác lập hồ sơ dự thầu tại Công ty CP xây dựng và đầu tư phát triển kiến trúc đô thị bằng phương pháp phân tích lý thuyết và nghiên cứu số liệu thực tế [10]. Kết quả đã đánh giá thực trạng công tác đấu thầu và lập hồ sơ dự thầu đối với các dự án của công ty; đưa ra một số vấn đề còn tồn tại và đề xuất một số giải pháp quản lý trong công tác lập hồ sơ dự thầu; từ đó nâng cao chất lượng đấu thầu, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty. Nghiên cứu về đầu tư công thông qua công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Nguyễn (2018) đã áp dụng phương pháp lấy số liệu và mẫu kết hợp với định nghĩa - đo lường các biến trong mô hình nghiên cứu [11]. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố: số lượng nhà thầu tham dự, nguồn vốn bố trí cho gói thầu, tổng mức đầu tư, loại công trình có tác động cùng chiều đến tỷ lệ giảm giá, trong khi đó các yếu tố: người phê duyệt kết quả đấu thầu, chủ đầu tư, yếu tố về thời gian thực hiện hợp đồng có tác động ngược chiều với tỷ lệ giảm giá. Thông qua các tác động khác nhau của các yếu tố đối với tỷ lệ giảm giá, các nhà quản lý có thể tác động đến các yếu tố cho phù hợp nhằm nâng cao khả năng đấu thầu các dự án đầu tư công.

Những nghiên cứu trên cho thấy việc xác định các yếu tố gây ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ dự thầu trong môi trường xây dựng tại Việt Nam vẫn chưa được triển khai cụ thể. Do đó, nghiên cứu này xác định các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của công tác lập hồ sơ dự thầu, nhằm giúp các bên tham gia đấu thầu nắm được tình hình thực tế và có các đề xuất hợp lý nhằm nâng cao được chất lượng công tác chuẩn bị trong đấu thầu, lập hồ sơ dự thầu cũng như đảm bảo nguồn nhân lực để đáp ứng theo yêu cầu của chủ đầu tư, tạo lợi thế cho doanh nghiệp nâng cao được khả năng cạnh tranh.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dựa trên sự tìm hiểu từ các nghiên cứu trước, các bài báo khoa học trong và ngoài nước, cùng với việc tham khảo ý kiến chuyên gia có kinh

nghiệm trong ngành Xây dựng, bằng câu hỏi trắc nghiệm được thành lập bao gồm 24 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ dự thầu. Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đánh giá các mức độ từ 1 (không ảnh hưởng) đến 5 (ảnh hưởng rất nhiều). Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha của toàn bộ mục hỏi (tất cả yếu tố) là $0.876 > 0.8$, đồng thời hệ số Cronbach's Alpha của từng yếu tố đều lớn hơn 0.8. Điều đó chứng tỏ thang đo lường là phù hợp [12].

Đối tượng thực hiện bảng khảo sát là những người có số năm kinh nghiệm từ dưới 3 đến trên 10 năm đã từng tham gia thực hiện các dự án xây dựng tại TP. HCM. Dữ liệu được thu về theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Bảng khảo sát được thực hiện thông qua hai phương thức: trực tiếp (phỏng vấn/gửi bản cứng) và gián tiếp (gửi đường link biểu mẫu) đến các cá nhân thuộc các đơn vị chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn quản lý dự án, và nhà thầu. Dữ liệu phân tích trong nghiên cứu bao gồm dữ liệu khảo sát của các bảng câu hỏi, được tiến hành trên địa bàn TP.HCM trong khoảng thời gian cho phép. Số lượng phản hồi hợp lệ nhận được là 175 bảng khảo sát.

Phương pháp chỉ số quan trọng tương đối (RII) được sử dụng để xác định mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến chất

lượng hồ sơ dự thầu. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi ở nhiều nghiên cứu [13, 14, 15]. Chỉ số RII được xác định bởi công thức:

$$RII = \frac{\sum W_i}{A \times N}$$

Với:

- W_i : là trọng số cho từng yếu tố bởi người khảo sát.
- A: là trọng số cao nhất.
- N: là tổng số người trả lời.

Phần mềm SPSS 22.0 và Microsoft Excel là 2 công cụ được dùng để phân tích và xử lý dữ liệu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dựa vào dữ liệu thu thập từ khảo sát được xử lý phân tích thống kê, kết quả cho thấy 24 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ dự thầu đều có giá trị trung bình (Mean) lớn hơn 3, chứng tỏ các yếu tố này đều có mức độ ảnh hưởng đến đối tượng nghiên cứu. Xếp hạng các yếu tố theo từng mức độ ảnh hưởng thông qua chỉ số mức độ quan trọng tương đối (RII) được thể hiện cụ thể trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng xếp hạng các yếu tố ảnh hưởng theo chỉ số mức độ quan trọng (RII)

Các yếu tố ảnh hưởng	N	Mean	Std. Deviation	RII	Hạng
NLTC. Năng lực tài chính của nhà thầu	175	4.22	0.736	0.845	1
NVGT. Nguồn vốn thực hiện gói thầu	175	4.18	0.67	0.837	2
PPLH. Phương pháp lập hồ sơ dự thầu	175	4.16	0.701	0.832	3
PTLC. Phương thức lựa chọn nhà thầu	175	4.11	0.754	0.822	4
QMG. Quy mô gói thầu	175	4.11	0.699	0.822	4
UTNT. Uy tín của nhà thầu	175	4.11	0.731	0.822	4
NKKT. Năng lực, kinh nghiệm của bộ phận kỹ thuật (biện pháp thi công và các yêu cầu liên quan đến kỹ thuật)	175	4.1	0.658	0.819	5
UTMT. Uy tín của bên mời thầu	175	4.08	0.723	0.816	6
NKNL. Năng lực, kinh nghiệm và số lượng nhân lực dự kiến thi công gói thầu	175	4.07	0.695	0.815	7
NLKL. Năng lực, kinh nghiệm của bộ phận tính khối lượng, đơn giá, dự toán	175	4.06	0.676	0.813	8
CLMK. Chiến lược marketing của nhà thầu	175	4.06	0.744	0.812	9
HLTC. Hình thức lựa chọn nhà thầu	175	4.03	0.596	0.807	10
NKPL. Năng lực, kinh nghiệm của bộ phận lập hồ sơ pháp lý	175	4.03	0.738	0.806	11
MĐPT. Mức độ phức tạp của các yêu cầu kỹ thuật, tài chính, an toàn vệ sinh lao động,... của hồ sơ mời thầu	175	4.01	0.669	0.802	12
NKTC. Năng lực, kinh nghiệm thi công gói thầu của nhà thầu	175	4.01	0.766	0.802	12
CCUD. Các công cụ và ứng dụng cần thiết khi lập hồ sơ dự thầu	175	3.98	0.678	0.795	13
CTTC. Công tác tổ chức, phối hợp các bộ phận khi lập hồ sơ dự thầu (nội bộ công ty, các nhà cung cấp, thầu phụ)	175	3.97	0.629	0.794	14
QGD. Quyết định giá dự thầu của cấp quản lý	175	3.97	0.677	0.793	15
YCCL. Yêu cầu về chất lượng hồ sơ của bên mời thầu	175	3.96	0.655	0.792	16
SCMT. Số lượng và chất lượng máy móc thiết bị dự kiến thi công gói thầu	175	3.95	0.646	0.790	17
MĐTT. Mức độ đầy đủ của thông tin để lập hồ sơ dự thầu (đơn giá dự thầu, khối lượng, thông số kỹ thuật của hồ sơ mời thầu rõ ràng, chi tiết,...)	175	3.94	0.712	0.787	18
SLHS. Số lượng hồ sơ dự thầu phải lập trong cùng một thời gian	175	3.91	0.68	0.782	19
TGCB. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	175	3.89	0.642	0.779	20
QCCS. Các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	175	3.82	0.749	0.765	21

Thông qua bảng xếp hạng cho thấy yếu tố “Năng lực tài chính của nhà thầu” xếp hạng 1 ($RII = 0.845$). Bên mời thầu sẽ sử dụng tiêu chí đạt hoặc không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm của nhà thầu xây dựng. Trong đó, mức quy định tối thiểu để

đánh giá là đạt đối với từng hạng mục về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu gồm có năng lực tài chính (tổng tài sản, tổng nợ phải trả, vốn lưu động, doanh thu, lợi nhuận, giá trị hợp đồng đang thực hiện dở dang và các chỉ tiêu cần thiết khác) để đánh giá năng lực về tài chính

của nhà thầu. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn trên phải căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.

Yếu tố “Nguồn vốn thực hiện gói thầu” xếp hạng 2 (RII = 0.837). Trong Mục 1 Chương I Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT có quy định về nội dung đấu thầu bao gồm: Ghi rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn, thời gian cấp vốn để thanh toán cho nhà thầu; trường hợp sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản có vai trò quan trọng trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Yếu tố “Phương pháp lập hồ sơ dự thầu” xếp hạng 3 (RII = 0.832). Trong hoạt động đấu thầu, công tác lập hồ sơ dự thầu xây lắp ảnh hưởng lớn đến khả năng thắng thầu của một doanh nghiệp, nó chiếm một vị trí quan trọng đồng thời là nhiệm vụ trọng tâm và là khâu cơ bản trong hoạt động đấu thầu. Hoàn thiện công tác lập hồ sơ dự thầu là một tất yếu khách quan mà bất cứ một doanh nghiệp xây dựng nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay đều phải thực hiện.

Yếu tố “Phương thức lựa chọn nhà thầu” xếp hạng 4 (RII = 0.822). Theo quy định tại Điều 28, 29, 30 và 31 Luật Đấu thầu 2013, có bốn phương thức lựa chọn nhà thầu như sau: Thứ nhất, phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. Thứ hai, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Thứ ba, phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có quy mô lớn, phức tạp. Thứ tư, phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ, áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có kỹ thuật, công nghệ mới, phức tạp, có tính đặc thù. Việc áp dụng phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp góp phần quan trọng trong công tác lập hồ sơ dự thầu.

Yếu tố “Quy mô gói thầu” được xếp đồng hạng 4 (RII = 0.822). Gói thầu là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm; gói thầu có thể gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung. Theo quy định của pháp luật thì gói thầu bao gồm: gói thầu hỗn hợp và gói thầu quy mô nhỏ. Theo quy định tại Điều 63 Nghị định 63/2014/NĐ-CP thì gói thầu quy mô nhỏ được hiểu là gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu không quá 10 tỷ đồng; gói thầu xây dựng, hỗn hợp có giá trị gói thầu không quá 20 tỷ đồng. Xây dựng giá dự thầu chính xác thì việc xây dựng phương án lựa chọn giá dự thầu một cách hợp lý là công việc hết sức quan trọng đối với các nhà thầu. Do vậy, quy mô gói thầu ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hồ sơ dự thầu.

Yếu tố “Uy tín của nhà thầu” cũng được xếp đồng hạng 4 (RII = 0.822). Uy tín của nhà thầu trên thị trường xây dựng không những được thể hiện thông qua hồ sơ báo giá hợp lý mà còn đảm bảo được chất lượng thi công, hoàn thiện của nhà thầu đối với các hợp đồng đã từng thực hiện trước đó. Nhà thầu có uy tín hay không ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng lập hồ sơ dự thầu.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã nhận dạng được 6 yếu tố chính gây ảnh hưởng đến chất lượng của hồ sơ dự thầu và tiến hành phân tích dữ liệu để xếp hạng các nhân tố này dựa trên kết quả tính toán theo phương pháp RII: (1) Năng lực tài chính của nhà thầu; (2) Nguồn vốn thực hiện gói thầu; (3) Phương pháp lập hồ sơ dự thầu; và (4) 03 yếu tố đồng xếp hạng (4) bao gồm: Phương thức lựa chọn nhà thầu, Quy mô gói thầu và Uy tín của nhà thầu. Ngoài ra, các yếu tố như: Các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu; Số lượng hồ sơ dự thầu phải lập trong cùng một thời

gian; Mức độ đầy đủ của thông tin để lập hồ sơ dự thầu (đơn giá dự thầu, khối lượng, thông số kỹ thuật của hồ sơ mời thầu rõ ràng, chi tiết);... cũng được xác định có mức ảnh hưởng rất ít hoặc không ảnh hưởng đến chất lượng của hồ sơ dự thầu. Kỹ năng lập hồ sơ thầu được thực hiện ở phương pháp, chất lượng, tiến độ thực hiện ở tất cả các khâu (điều tra môi trường và dự án đấu thầu, lập giải pháp tư vấn, xây dựng bản báo giá...) trong quá trình xây dựng hồ sơ dự thầu; do đó, các yếu tố ảnh hưởng này có thể được xem như là cơ sở lý luận để nâng cao chất lượng của công tác tổ chức và lập hồ sơ dự thầu. Các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng tham gia đấu thầu cũng như các đối tượng liên quan đến công tác này có thể tập trung nguồn lực và các biện pháp để tác động đến các yếu tố đã được xác định, từ đó triển khai các hành động hỗ trợ các bộ phận liên quan và phối hợp thực hiện tốt các công việc nhằm hạn chế các sai sót trong việc lập hồ sơ dự thầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghị định số: 63/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/du-thu/Nghi-dinh-63-2014-ND-CP-huong-dan-Luat-Dau-thau-ve-lua-chon-nha-thau-237481.aspx>
- [2]. Holt, G. D., Olomolaiye, P. O. and Harris, F. C. (1994). Evaluating prequalification criteria in contractor selection, [https://doi.org/10.1016/0360-1323\(94\)90003-5](https://doi.org/10.1016/0360-1323(94)90003-5).
- [3]. Yan, H. Y. (2011). The Construction Project Bid Evaluation Based on Gray Relational Model, <https://doi.org/10.1016/j.proeng.2011.08.855>.
- [4]. Zahaf, S. and Gargouri, F. (2014). ERP Inter-enterprises for the Operational Dimension of the Urbanized Bid Process Information System, <https://doi.org/10.1016/j.procy.2014.10.031>.
- [5]. Mamaghani, E. J., Chen, H., Prins, C. and Demir, E. (2019). An Improved Tabu Search Algorithm for a Multi-Period Bid Generation Problem with the Consideration of Delivery Lead Time, <https://doi.org/10.1016/j.ifacol.2019.11.599>.
- [6]. Zekria, M., Zahaf, S., Yahia, S. B. (2019). Specification of the data warehouse for the decision-making dimension of the Bid Process Information System, <https://doi.org/10.1016/j.procs.2019.09.231>.
- [7]. Phạm, P. C. (2010). Một số vấn đề về tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng. Tạp chí Giao thông Vận tải.
- [8]. Trần, V. T. (2013). Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý đấu thầu. Dự án đấu thầu của ban quản lý dự án công trình xây dựng TP Sóc Trăng.
- [9]. Trương, T. T. H., Đặng, H. L., Trương, M. C. và Phạm, V. S. (2017). Sơ bộ đánh giá và xếp hạng năng lực của nhà thầu xây dựng dựa trên phương pháp phân tích thứ bậc, tại: <http://data.ute.udn.vn/handle/UTE/1721>.
- [10]. Trương, D. P. (2018). Quản lý công tác lập hồ sơ dự thầu tại công ty cổ phần xây dựng và đầu tư phát triển kiến trúc đô thị, tại: <http://thuvienso.hau.edu.vn:8888/dspace/handle/hau/7064>
- [11]. Nguyễn, P. H. (2018). Đấu thầu thông qua công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau, tại: https://www.researchgate.net/profile/Hai-Phan-Thanh/publication/340501403_Nghien-cuu-cac-yeu-to-anh-huong-den-su-hai-long-cua-nguoi-hoc-den-chat-luong-dao-tao-cac-khoa-hoc-ngan-han-Khao-sat-thuc-nghiem-tai-truong-Cao-dang-nghe-Du-lich-Da-Nang/links/5e8d4a2992851c2f5288724d/Nghien-cuu-cac-yeu-to-anh-huong-den-su-hai-long-cua-nguoi-hoc-den-chat-luong-dao-tao-cac-khoa-hoc-ngan-han-Khao-sat-thuc-nghiem-tai-truong-Cao-dang-nghe-Du-lich-Da-Nang.pdf?page=2.
- [12]. Hoàng, T. và Chu, M. N. (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS Tập 1, 2, NXB Hồng Đức.
- [13]. Gebrehiwet, T. and Luo, H. (2017). Analysis of delay impact on construction project based on RII and correlation coefficient: Empirical study. Procedia Engineering, 196, 366 – 374
- [14]. Kazaz, A., Ulubeyli, S., Acikara, T., and Er, B. (2016). Factors affecting labor productivity: perspectives of craft workers. Procedia Engineering, 164, 28 – 34.
- [15]. Soekiman, A., Pribadi, K.S., Soemardi, B.W., and Wirahadikusumah, R.D. (2011). Factors Relating to Labor Productivity Affecting the Project Schedule Performance in Indonesia, Procedia Engineering, 14, 865-87